

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN SPT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN SPT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SPT PROJECT DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SPT CONSTRUCTION JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110648160

3. Ngày thành lập: 13/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 38/37, phố Vũ Đình Tụng, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975473666

Fax:

Email: doancongbinh24101976@gmail.com Website: .com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6.	Khai thác thủy sản biển	0311
7.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
8.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
9.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá tài sản, dịch vụ lấy lại tài sản)	8299

11.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thi công xây dựng công trình (Thực hiện theo quy định Khoản 32 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP) - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội, ngoại thất công trình; - Thiết kế kết cấu công trình (Thực hiện theo quy định Điểm a Khoản 3 Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng); - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Thực hiện theo quy định Khoản 2 Điều 67 Nghị định 15/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng) - Tư vấn thi công phòng chống mối; - Giám sát thi công phòng chống mối (Thực hiện theo quy định Mục 4 tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7958:2008 bảo vệ công trình xây dựng – phòng chống mối cho công trình xây dựng mới); - Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng (Thực hiện theo quy định Điều 96 Nghị định 15/2021/NĐ-CP); - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng (Thực hiện theo quy định Điều 93 Nghị định 15/2021/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình (Thực hiện theo quy định Điều 98 Nghị định 15/2021/NĐ-CP); - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (Thực hiện theo quy định Điều 7 Luật Đấu thầu); - Khảo sát xây dựng gồm: Khảo sát địa hình và khảo sát địa chất công trình (Thực hiện theo quy định Điểm a Khoản 4 Điều 89 Nghị định 15/2021/NĐ-CP và Điều 91 Nghị định 15/2021/NĐ-CP); - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy chữa cháy (Thực hiện theo quy định Điều 41 Nghị định 136/2020/NĐ-CP); - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng (Thực hiện theo quy định Điểm d Khoản 4 Điều 89 và Điều 94 Nghị định 15/2021/NĐ-CP)	7110
12.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
13.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
14.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810(Chính)
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
16.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ	4784
17.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
18.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách (Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4931

19.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá (Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
20.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
21.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
22.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
23.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
24.	Bốc xếp hàng hóa	5224
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
30.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
31.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
35.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
36.	Xây dựng công trình điện	4221
37.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình thủy	4291
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
44.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÙ CHÍNH PHƯƠNG	10/96 Nhữ Đình Hiển, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000.0 00	300.000.000.00 0	60,000	0330570102 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000.0 00	300.000.000.00 0	60,000		
2	ĐÌNH KHÁNH HẢI	Khu Tập thể 202, Phường Vĩnh Trường, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.0 00	150.000.000.00 0	30,000	0020700038 09	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.500.0 00	150.000.000.00 0	30,000		

3	ĐOÀN CÔNG BÌNH	Xóm Lương Tà 1 – Lương Thái, Xã Lương Phú, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	50.000.000.000	10,000	019076014552
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	50.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CÙ CHÍNH PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1957 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033057010217

Ngày cấp: 26/05/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 10/96 Nhữ Đình Hiến, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 10/96 Nhữ Đình Hiến, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

* Họ và tên: ĐOÀN CÔNG BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 24/10/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019076014552

Ngày cấp: 13/09/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Lương Tạ 1 – Lương Thái, Xã Lương Phú, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Lương Tạ 1 – Lương Thái, Xã Lương Phú, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội